

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 12 - 7 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đình Vang.
2. Bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2022, bản tự khai ngày 05 tháng 5 năm 2022 và tại phiên tòa chị Bùi Thị Ngọc A trình bày:

Chị Bùi Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị A và anh M chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M ham chơi không có trách nhiệm

với vợ con. Chị A và anh M đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không còn cách nào để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị Bùi Thị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/7/2014. Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M thống nhất với phần trình bày của chị Bùi Thị Ngọc A về thời gian tìm hiểu và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn, anh M và chị A chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại, anh M và chị A không còn sống chung với nhau và đã ly thân từ năm 2015. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị A thì anh M đồng ý. Tuy nhiên do bận công việc nên anh M yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn M thống nhất giữa anh M và chị A có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/7/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh M yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho chị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 5 năm 2022 của cháu Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Đình H trình bày: Trường hợp ba mẹ các cháu là Nguyễn Văn M và Bùi Thị Ngọc A ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ chị Bùi Thị Ngọc A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Chị Bùi Thị Ngọc A có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn M. Anh Nguyễn Văn M là bị đơn đang cư trú tại Thôn 4, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị A và anh M chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng năm 2015, giữa chị A và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Hiện tại, chị A không còn sống chung với anh M và xác định không còn tình cảm với anh M nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại bản tự khai của anh Nguyễn Văn M ngày 06 tháng 6 năm 2022, anh M cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị A và anh M là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn M thống nhất với chị A giữa anh M và chị A có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/7/2014. Khi ly hôn anh M đồng ý giao hai con chung cho chị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị A cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Đồng thời tại bản tự khai của cháu T và cháu H trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/7/2014 cho chị Bùi Thị Ngọc A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của các con cũng như của các đương sự.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tuy nhiên với mức cấp dưỡng này là quá thấp so với nhu cầu sinh hoạt, học hành của các cháu, do đó cần chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của chị A với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/2 con đến khi các con lần lượt trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Ngọc A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Căn cứ a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc A về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

[2] Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 27/7/2014 cho chị Bùi Thị Ngọc A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị Bùi Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn M đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/hai con cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Ngọc A phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0003249 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2022). Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (số 17/2010; Quyển số 01/2009);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Phú Quảng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng

